TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 81/2021/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Khê, ngày 11 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn Q, sinh năm: 1989

- Bị đơn: Chị Trịnh Thị B, sinh năm: 1993

Đều cư trú tại: khu 7 (nay là khu C), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào điều 212; điều 213 và khoản 3 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2021

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn Q và chị Trịnh Thị B

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Hai bên thoả thuận, anh Q trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Vũ Thị Phương A - sinh ngày 12/8/2013 và Vũ Ngọc B - sinh ngày 24/5/2016, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các con chung thành niên. Chị B cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q là 500.000đ/ 01 con chung/ tháng, tổng là

1.000.000đ/ 02 con chung/ tháng, kể từ tháng 5 năm 2021 đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi), phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Vũ Văn Q tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự về việc ly hôn và nộp thay chị B 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tổng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo B lai thu tiền số 0003905 ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh Q đã nộp đủ án phí dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN

Ninh Thị Hồng